

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HS-ST

Ngày 22-11-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận

Ông Nguyễn Văn Khuyến

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/TLST - HS ngày 16/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 11/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị P** (tên gọi khác: không), sinh năm 1960, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn U và bà Lã Thị N; có chồng là Đào Sỹ T (đã chết) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh 1994); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984, trú tại: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đào Sỹ K, vắng mặt
- Anh Nguyễn Tuấn K1, vắng mặt
- Chị Đào Thị X, có mặt
- Chị Đào Thị Y, có mặt
- Anh Phạm Ngọc T1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Đặng Thị P và gia đình ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958, trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình có mối quan hệ họ hàng với nhau. Ông Đào Sỹ T (chồng bị cáo) trước khi chết có thống nhất với ông M về việc sử dụng chung phần đất để xây mộ tại nghĩa trang G thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Đầu năm 2024, gia đình ông M cùng gia đình ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn K2, ông Nguyễn Văn H (là các em trai ông M) xây dựng khu mộ chõ với diện tích 140 m² trên phần đất sử dụng chung với gia đình bị cáo P. Toàn bộ việc xây dựng được giao cho anh Nguyễn Văn Đ là con trai ông M chịu trách nhiệm. Sau khi công trình hoàn thành bàn giao thì sẽ chia đều chi phí xây dựng cho các gia đình. Trước khi xây, anh Đ đã xin phép Giáo họ thôn V và được Giáo họ đồng ý, đồng thời anh Đ thông báo và trao đổi với ông Đào Văn K3 là em trai ông T biết. Ông M và anh Đ đã đo, chia phần đất đang sử dụng chung với nhà P ra làm 02 phần, phía gia đình ông M lấy 4,4 m phần còn lại 4,6 m để cho gia đình P. Ngày 01/3/2024, anh Đ bắt đầu xây dựng công trình gồm 09 ngôi mộ chõ và tường bao xung quanh. Ngày 18/3/2024, Đặng Thị P phát hiện khu mộ chõ do anh Đ xây dựng có phần tường bao sát vào mộ của ông T nên P đã đến gặp anh Đ để nói chuyện thì Đ nói đến gặp vợ chồng ông M, bà Đặng Thị L (bà L là chị gái của P). P gặp bà L để nói chuyện thì bà L nói nếu lấp mộ đá cho ông T mà vướng vào đoạn tường nào thì tự tháo đoạn tường đó ra mà lấp mộ sau đó xây lại cho hợp lý.

Khoảng 13 giờ, ngày 20/3/2024, P cầm búa ra nghĩa trang Giáo họ thôn V và đập tường bao công trình mộ chõ do anh Đ xây dựng nhưng không đập được nên P đã tìm thuê máy đào của anh Đào Sỹ K. P nói với K là thuê máy đào bánh lốp để “cải tạo quy hoạch lại khu nghĩa trang của gia đình”. Anh K gọi điện cho anh Nguyễn Tuấn K1 là người lái thuê cho anh K điều khiển máy đào bánh lốp biển kiểm soát 35LA-0595 của anh K đến khu vực nghĩa trang G1 họ thôn V để làm theo yêu cầu của P. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, P đã chỉ đạo anh K1 phá dỡ: đoạn tường bao xây bằng gạch block trát hồ có kích thước lần lượt các đoạn là (5,5 x 0,92) m, (15 x 0,47) m, (3,5 x 0,47) m, (1,9 x 0,67) m và 03 ngôi mộ chõ gồm 01 ngôi có kích thước (2,4 x 1,8 x 01) m, 01 ngôi có kích thước (2,1 x 1,33 x 01) m, 01 ngôi có kích thước (2,1 x 1,33 x 01) m nằm trong khu công trình mộ chõ do anh Đ xây dựng. Đến khoảng 15 giờ, P nghe tin anh Đ đưa người đến nghĩa trang để đánh mình thì P đã bảo anh K1 cho máy dừng và nhờ Đào Thị X (là con gái P) thanh toán tiền công cho anh K 500.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản sau đó P đến Công an xã N trình báo. Cùng ngày, anh Đ cũng đến Công an xã N trình báo về việc P thuê máy đến mức phá, làm hư hỏng mộ chõ và tường bao trong công trình xây dựng của gia đình anh Đ.

Tại Kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2024 và Công văn trả lời số 01/HĐĐGTS ngày 24/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: tổng giá trị các tài sản bị hư hỏng nêu trên là 17.566.700 đồng, trong đó: giá trị 03 ngôi mộ chờ bị hư hỏng là 9.992.600 đồng (ngôi mộ có kích thước (2,4 x 1,8 x 1,2) m là 7.188.200 đồng, ngôi mộ có kích thước (2,1 x 1,33 x 1,2) m là 1.409.500 đồng và ngôi mộ có kích thước (2,1 x 1,33 x 01) m là 1.394.900 đồng) và giá trị của các đoạn tường bao có kích thước là (5,5 x 0,92) m, (15 x 0,47) m, (3,5 x 0,47) m, (1,9 x 0,67) m là 7.574.100 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho anh Đào Sỹ K máy đào bánh lốp biển kiểm soát 35LA-0595. Đặng Thị P đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 18.000.000 đồng. Anh Đ không có yêu cầu đề nghị gì.

Cáo trạng số 45/CT-VKSHL ngày 15/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư đã truy tố bị cáo P về tội “Cố ý làm hư hỏng sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã N giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, anh Đ đề nghị HĐXX căn cứ vào lời khai của anh K1 để xác định chị Đào Thị Y, Đào Thị X và anh Phạm Ngọc T1 là đồng phạm với bị cáo Đặng Thị P. Anh Đ cho rằng mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nhẹ, cần phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo.

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên, xin được miễn án phí do là người cao tuổi. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện Kiểm sát, xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: vào hồi 13 giờ 45 phút, ngày 20/3/2024, tại nghĩa trang G1 họ thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, Đặng Thị P đã có hành vi thuê và trực tiếp chỉ đạo anh Nguyễn Tuấn K1 điều khiển máy đào bánh lốp biển kiểm soát 35LA-0595 mức, phá dỡ làm hư hỏng 03 ngôi mộ chờ và 15 m tường bao xung quanh khu công trình mộ chờ do anh Nguyễn Văn Đ xây dựng. Giá trị tài sản bị

thiệt hại là 17.566.700 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của BLHS.

“Điều 178. Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

“1. Người nào huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực hành vi để nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương, thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có chồng là thương binh nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt: căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại và bị cáo đã giải quyết xong về việc bồi thường. Bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: anh K được P thuê máy để cải tạo nghĩa trang của gia đình, không biết việc P phá dỡ công trình xây dựng của anh Đ. Cơ quan điều tra đã trả lại máy đào bánh lốp biển kiểm soát 35LA-0595 cho anh K - chủ sở hữu là đúng quy định.

[7] Về án phí: bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người cao tuổi, xin được miễn án phí do đó cần miễn án phí cho bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những

người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[9] Về vấn đề đồng phạm: anh Nguyễn Văn K4 khai ngoài Đặng Thị P còn có vợ chồng chị Đào Thị Y và anh Phạm Ngọc T1 (là con gái và con rể của P) cũng có mặt và chỉ đạo anh K4 phá dỡ tường và khu mộ chờ. Tuy nhiên, không có căn cứ về việc P trao đổi, bàn bạc với Y và T1 về việc phá dỡ công trình của anh Đ. Việc đối chất giữa Y và K4, T1 và K4 không chứng minh được việc Y, T1 cùng với P chỉ đạo phá dỡ công trình mộ chờ như anh K4 trình bày. Ngoài lời khai của anh K4 không còn chứng cứ nào khác, do đó, không có căn cứ để xử lý Y và T1 với vai trò là đồng phạm với P về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Đào Thị X là người được P nhờ chuyển tiền công cho anh K4 nhưng X không biết và không tham gia chỉ đạo phá dỡ công trình mộ chờ do anh Đ xây dựng. Do vậy, X không đồng phạm với P nên không xem xét, xử lý.

Nguyễn Tuấn K1 là người điều khiển máy đào bánh lốp để mức phá 03 ngôi mộ chờ và 15 m tường bao và Đào Sỹ K là chủ máy nhưng anh K1 và anh K đều không biết mục đích P thuê máy và chỉ đạo K1 điều khiển máy đào bánh lốp để mức làm hư hỏng công trình mộ chờ cũng như tường bao do anh Đ xây dựng nên không đồng phạm với P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Đặng Thị P phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đặng Thị P 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (22/11/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- Công an huyện Hoa Lư;
- Chi cục THADS huyện Hoa Lư;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS, VP.

Vũ Thị Kim Oanh